

Số: 61 /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 104/2026/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6697/TTr-STC ngày 10 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí hoặc dự kiến chi phí (sau đây gọi chung là dự kiến kinh phí) để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, trong phạm vi Nghị định số 104/2026/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, bao gồm: Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng chi thường xuyên ngân sách địa phương của tỉnh Thanh Hóa để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

1. Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước giao thực hiện tự chủ:

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

2. Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước không giao thực hiện tự chủ:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc có dự kiến kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên/nhiệm vụ.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị mình có dự kiến kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã quản lý (bao gồm cả nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với các nhiệm vụ quy hoạch do cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tổ chức lập.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của cấp xã (bao gồm cả nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Tư pháp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, sự phù hợp của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định).

2. Cơ quan, đơn vị phê duyệt hoặc trình phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí chịu trách nhiệm rà soát, tham vấn ý kiến cơ quan chuyên môn về sự cần thiết, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đáp ứng mục tiêu, quy mô, nội dung, dự kiến kinh phí, thời gian thực hiện và các nội dung quan trọng khác có liên quan (nếu cần thiết), đồng thời tham vấn ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về khả năng cân đối kinh phí trước khi phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán kinh phí thực hiện phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm.

4. Trường hợp dự toán chi thường xuyên được giao cho các cơ quan, đơn vị khác với dự kiến kinh phí thực hiện đã được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao dự toán trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ở thời điểm phê duyệt dự toán cho đến khi quyết toán nhiệm vụ.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 Quyết định;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp (để b/c);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UB MTTQ Việt Nam tỉnh (để b/c);
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng